TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 21/9/2017
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phước

Bà Trần Thị Diễm Kiều

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngà – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1982 (có mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn A**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2017, bản tự khai ngày 30/5/2017 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường cãi nhau làm

cho không khí gia đình trở nên ngột ngạt trầm uất, dẫn đến anh chị không còn lo lắng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị và anh A đã sống ly thân 04 tháng nay. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh A, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị L và anh A có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 06/5/2014. Hiện nay, cháu H đang sống với chị L. Sau khi anh chị ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị L và anh A không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa, cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ L.

- Con chung: Chị L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 06/5/2014, ghi nhận chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: chị L và anh A tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị L và anh A phát sinh

mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A, quyền yêu cầu giải quyết ly hôn của chị L được Tòa án xem xét giải quyết theo qui định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Văn A mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh A là phù hợp quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xét lời trình bày của chị L thì sau khi kết hôn, chị L và anh A sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị thường hay cãi nhau. Tại phiên tòa, chị L trình bày chị và anh A đã sống ly thân 09 tháng nay. Mặc dù anh A biết được việc chị L ly hôn nhưng vẫn không tham dự các phiên hòa giải cũng như không dự phiên tòa. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh chị không có liên lạc và không tạo cơ hội để đoàn tụ cùng nhau, chứng tỏ anh A cũng không quan tâm đến cuộc sống hôn nhân và tình cảm vợ chồng. Qua kết quả xác minh của Tòa án cũng cho thấy anh chị không có liên lạc và hiện tại không còn sống chung với nhau. Tại biên bản làm việc ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đối với bà Nguyễn Thị S (mẹ ruột anh A) thì anh A có nhận thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án về việc chị L khởi kiện xin ly hôn với anh A nhưng bà không biết lý do anh A không đến Tòa án dự các phiên họp trên. Theo bà S, công việc của anh A là thợ hồ, thường xuyên đi làm theo công trình xây dựng thỉnh thoảng anh A mới về nhà bà và hiện nay anh A cũng đang đi làm xa nhưng bà không biết cụ thể địa chỉ (bà chỉ liên lạc anh A qua điện thoại).

Hội đồng xét xử xét thấy: tại các biên bản làm việc ngày 23/7/2017, 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tại địa phương cho thấy anh A đã về nhà cha mẹ ruột sống cách đây khoảng 04 tháng, anh A không có liên lạc với chị L cũng như anh chị không tìm giải pháp hàn gắn tình cảm gia đình. Điều này cho thấy đời sống hôn nhân của anh A, chị L không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Mặt khác, tại phiên tòa chị L cho rằng tình cảm của chị và anh A là không thể hàn gắn lại được, có chung sống với nhau cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau. Mục đích hôn nhân của anh chị là không thể đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị L về việc xin ly hôn với anh A và đề nghị của đại diện Viện kiểm

sát là phù hợp, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ L là phù hợp với qui định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: chị L và anh Acó 01 người con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 06/5/2014. Hiện nay, cháu H đang sống với chị L. Sau khi anh chị ly hôn, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H, chị không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, tại các biên bản làm việc ngày 23/7/2017, 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tại địa phương cho thấy công việc của anh A là thợ hồ hiện nay anh đi làm theo công trình xây dựng thỉnh thoảng mới về nhà cha mẹ ruột. Hơn nữa, từ trước đến nay cũng như từ khi chị L và anh A ly thân thì chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu H, cháu H lại là bé gái. Chị L nuôi cháu H cũng đảm bảo được điều kiện về vật chất và tinh thần (điều này cũng được chính quyền địa phương xác nhận). Vì vậy, việc chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H là có cơ sở. Chị L không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu H, đây là sự tự nguyện của chị L nên ghi nhận.

Về tài sản chung: chị L, anh A không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: chị L, anh A không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Phạm Thị Mỹ L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Mỹ L với anh Nguyễn Văn A. Chị Phạm Thị Mỹ L được quyền ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

2. Về con chung:

Chị Phạm Thị Mỹ L được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Diệu H, sinh ngày 06/5/2014.

Ghi nhận chị Phạm Thị Mỹ L không yêu cầu anh Nguyễn Văn A cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Mỹ L phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009986 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị L đã nộp đủ án phí.

Chị Phạm Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Nga